TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 91/2023/DS-PT
Ngày 12/6/2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hà Giang;

Các Thẩm phán: bà Trần Thị Hà và ông Nguyễn Văn Ngữ;

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Hải Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang*** tham gia phiên toà***:*** bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 12 tháng 6 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 55/2023/TLPT- DS ngày 04 tháng 5 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" do bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS -ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2023/QĐ-PT ngày 29 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Dương Thị T, sinh năm 1970 (có mặt)

Địa chỉ: thôn V, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

Bị đơn: chị Hoàng Lệ X, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: số 39, tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn: anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: số 39, tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh Hoàng Văn T, sinh năm 1984; Địa chỉ: số 39, tổ dân phố Đ, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt).

Người làm chứng: ông Trịnh Xuân L, sinh năm 1956 (có mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố S, thị trấn P, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Người kháng cáo: anh Hoàng Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang, nội dung vụ án như

sau:

***Nguyên đơn – chị Dương Thị T trình bày*:** Chị và chị Hoàng Lệ X có mối quan hệ quen biết. Năm 2017, chị X có đến đề nghị chị cho vay số tiền 30.000.000đ để trả tiền thuê nhà, chị đồng ý. Sau đó, chị nhiều lần yêu cầu chị X trả tiền nhưng chị X khất lần, khất lượt không trả. Ngày 17/02/2017, chị có đến nhà gặp vợ chồng chị X nói chuyện, chị X, anh T thỏa thuận đến ngày 30/5/2017 sẽ trả tiền đầy đủ cho chị. Hai bên viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 17/02/2017, thỏa thuận miệng lãi suất 1.6%/tháng. Chị X là người viết giấy vay tiền, anh T cam kết trả tiền vay đúng hạn dưới sự chứng kiến là ông Trịnh Xuân L.

Ngày 30/5/2017, vợ chồng chị X không trả tiền cho chị như đã thỏa thuận. Chị nhiều lần đến nhà yêu cầu vợ chồng chị X trả tiền thì vợ chồng chị X khất lần, không trả. Nay chị yêu cầu chị Hoàng Thị Lệ Xphải trả cho chị số tiền 63.000.000 đồng gồm 30.000.000 đồng tiền gốc, 33.000.000 đồng tiền lãi tính từ ngày 17/2/2017 đến ngày 25/10/2022 và yêu cầu chị X phải có trách nhiệm trả số tiền lãi từ ngày 26/10/2022 cho đến khi chị X trả hết tiền nợ theo mức lãi suất thỏa thuận là 1.6%/ tháng.

Bị đơn – chị Hoàng Lệ X và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Hoàng Văn T trình bày: anh chị có vay của chị T và hẹn ngày trả như chị T trình bày là đúng, chị T tính lãi suất 1.500đồng/1.000.000/ngày nhưng sau này anh chị khó khăn nên đã thỏa thuận với chị T trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng tiền vay và 1.350.000 đồng tiền lãi. Đến tháng 02/2019, chị X đã trả cho chị T 56.400.000 đồng. Từ tháng 3/2019 đến tháng 12/2019 trả cho chị T 1.000.000 đồng/tháng và đã trả đủ cả tiền gốc và lãi cho chị T. Tuy vợ chồng anh đã trả đủ cả gốc và lãi từ năm 2019 cho chị T nhưng do tin tưởng nên khi trả tiền vợ chồng anh không yêu cầu chị T viết giấy. Nay chị T khởi kiện yêu cầu chị X trả số tiền trên đề nghị Toà án xem xét vào cả thực tế để giải quyết theo quy định pháp luật.

Người làm chứng ông Trịnh Xuân L trình bày: ông và chị T, chị X không có quan hệ họ hàng gì, chỉ quen biết xã hội với nhau. Ông là người giới thiệu chị T đến làm giúp việc cho chị X. Ông được chứng kiến việc chị T cho chị X vay số tiền 30.000.000 đồng. Ngày 17/02/2017, ông có đi cùng chị T đến nhà chị X, anh T và được chứng kiến anh T, chị X hẹn chị T đến ngày 30/5/2017 sẽ trả đầy đủ số tiền vay trên. Hai bên có viết giấy biên nhận vay tiền đề ngày 17/2/2017, chị X là người trực tiếp viết và ký giấy vay tiền, anh T có ký và viết nội dung hẹn đến ngày 30/5/2017 sẽ trả số tiền 30.000.000đ và ông ký làm chứng. Khi viết giấy hai bên có thỏa thuận lãi suất vay là 1.6%/tháng kể từ ngày viết giấy vay tiền. Ngoài ra ông không được chứng kiến sự việc gì khác.

Với nội dung trên, bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 13/03/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đã: căn cứ Điều 274; Điều 275; Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (BLDS). Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Dương Thị T. Buộc chị Hoàng Lệ X có nghĩa vụ trả cho chị Dương Thị T tổng số tiền: 48.202.500 đồng (bốn tám triệu hai trăm lẻ hai nghìn năm trăm đồng), trong đó tiền nợ gốc vay là 30.000.000đồng (ba mươi triệu đồng) và nợ lãi tính từ ngày 17/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/3/2023 là 18.202.500 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền thi hành án, lãi suất chậm trả và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 27/3/2023, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - anh Hoàng Văn T kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chị X không phải chịu lãi.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người kháng cáo – anh T phát biểu ý kiến: anh đề nghị đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận việc yêu cầu trả lãi của bản án sơ thẩm.

Nguyên đơn – chị T không chấp nhận ý kiến của anh T, đề nghị HĐXX giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng, đủ quy định của BLTTDS, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền nghĩa vụ theo quy định của BLTTDS. Sau khi xem xét yêu cầu kháng cáo của anh T, phân tích nội dung, các tình tiết của vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX căn cứ khoản 1 Điều 308 BLTTDS không chấp nhận kháng cáo của anh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 11/2023/DS-ST ngày 13/03/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang. Về án phí: anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: tại phiên tòa phúc thẩm chị Hoàng Thị Lệ X là bị đơn vắng lần thứ hai không có lý do, tuy nhiên chị X đã ủy quyền cho anh T tham gia tố tụng. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 BLTTDS tiếp tục tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét nội dung vụ án HĐXX thấy:

[2.2]. Các bên đương sự đều thừa nhận chị X có vay của chị T số tiền 30.000.000 đồng theo Giấy vay tiền đề ngày 17/2/2017. Chị T xác định đến nay chị X chưa trả được khoản tiền nào. Quá trình giải quyết vụ án, phía chị X trình bày đã trả hết cho chị T cả tiền gốc và tiền lãi vào cuối năm 2019, mỗi lần trả tiền tại nhà chị T có sự chứng kiến của anh Hoàng Văn T là chồng và ông Trịnh Xuân L, do tin tưởng nên không viết giấy tờ gì. Tuy nhiên, người làm chứng là ông Lực không xác nhận lời trình bày này của chị X, chị X không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh việc trả nợ. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận lời trình bày này của chị X. Án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của chị T, buộc chị X phải có nghĩa vụ trả cho chị T số tiền vay 30.000.000 đồng theo quy định tại Điều 466 BLDS là có căn cứ.

[2.3]. Đối với yêu cầu trả lãi của chị T: Giấy vay tiền ngày 17/2/2017 các bên không thỏa thuận về lãi, phía chị T xác định hai bên có thỏa thuận miệng trả lãi 1,6%/tháng, phía chị X, anh T trình bày các bên thỏa thuận miệng lãi suất 1.500đồng/1.000.000/ngày. Mặc dù các bên khai không thống nhất về mức lãi suất nhưng hai bên đều thừa nhận khoản vay này có tính lãi nên xác định giữa hai bên cho nhau vay tiền có thỏa thuận lãi và có tranh chấp về mức lãi suất. Tại cấp sơ thẩm, phía nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi tính từ ngày 17/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm theo lãi suất quy định của pháp luật, bị đơn cho rằng đã trả được hết lãi cho nguyên đơn nhưng không đưa ra được căn cứ chứng minh. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của nguyên đơn theo mức lãi suất cơ bản là có căn cứ.

[3]. Xét kháng cáo của anh T, HĐXX thấy: như đã phân tích ở trên, Tòa án cấp sơ thẩm buộc chị X phải trả nợ gốc và lãi cho chị T tính từ ngày 17/2/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm 13/3/2023 theo mức lãi suất cơ bản với số tiền 18.202.500 đồng là có căn cứ theo khoản 2 Điều 468 BLDS. Bản án sơ thẩm quyết định cá nhân chị X phải có nghĩa vụ rtả số tiền vay gốc và lãi phát sinh trên, không buộc anh T phải liên đới chịu trách nhiệm trả số tiền này nên anh T kháng cáo là không có căn cứ. Vì vậy kháng cáo của anh T không được chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: do kháng cáo không được chấp nhận anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, xử không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – anh Hoàng Văn T, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm 11/2023/DS-ST ngày 13 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang.

2. Án phí: anh Hoàng Văn T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh T đã nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm theo Biên lai thu số 0002176 ngày 27/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND TP Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, PHCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Hà Giang